

Số 20104 /TB-CHQ

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO
Về kết quả xác định trước mã số

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát, kiểm soát hải quan, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa, phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, Đơn đề nghị số 07/2025 ngày 10/07/2025 của Công ty TNHH Nishi Tokyo Chemix Việt Nam, mã số thuế: 0316061721;

Cục Hải quan thông báo kết quả xác định trước mã số như sau:

1. Hàng hóa đề nghị xác định trước mã số do tổ chức, cá nhân cung cấp:

Tên thương mại: TP-S68NT.

Tên gọi theo cấu tạo, công dụng: Hợp chất ferit dùng sản xuất nam châm (chưa được từ hóa)

Ký, mã hiệu, chủng loại: TP-S68NT.

Nhà sản xuất: TODA KOGYO

2. Tóm tắt mô tả hàng hóa được xác định trước mã số: Theo hồ sơ xác định trước mã số, thông tin mặt hàng như sau:

- Thành phần, cấu tạo, công thức hóa học:

Strontium Ferrite ($\text{SrO} \cdot 6\text{Fe}_2\text{O}_3$): 75-89%; Barium Ferrite / $\text{BaO} \cdot 6\text{Fe}_2\text{O}_3$: 1-16%; Polyamide-6 / $(\text{C}_6\text{H}_{11}\text{NO})_n$: 9-10%

- Cơ chế hoạt động, cách thức sử dụng:

Hợp chất Ferrite chưa được từ hoá, sử dụng làm nguyên liệu thô để sản xuất nam châm cho các bộ phận điện tử hoặc từ tính.

Strontium Ferrite: Vật liệu từ chính tạo đặc tính nam châm

Barium Ferrite: Hỗ trợ tính từ hoặc điều chỉnh tính chất cơ học

Polyamide-6: Một loại polyme đóng vai trò là chất kết dính cho các cấu trúc, duy trì hình dạng của chúng và cung cấp độ bền cơ học.

- Hàm lượng tính trên trọng lượng: $3.65 \sim 3.85 \text{ (g/cm}^3, 25^\circ\text{C)}$

- Thông số kỹ thuật: dạng rắn, viên màu nâu sẫm ($\phi 3\text{mm} \times 4\text{mm}$) / không mùi, không tan trong nước hoặc cồn

- Quy trình sản xuất:

+ Trộn nguyên liệu thô: Bột ferit ($\text{SrO} \cdot 6\text{Fe}_2\text{O}_3$, $\text{BaO} \cdot 6\text{Fe}_2\text{O}_3$) được trộn đều với polyamide 6.

+ Nhào và đùn: Hỗn hợp được đưa vào máy nhào và đùn thành sợi.

+ Làm mát và tạo hạt: Các sợi được làm mát và cắt thành hạt. Hợp chất ferit này được bán dưới dạng vật liệu để đúc

- Công dụng theo thiết kế: sử dụng để sản xuất nam châm cho các bộ phận điện tử hoặc từ tính.



3. Kết quả xác định trước mã số: Theo thông tin trên Đơn đề nghị xác định trước mã số, thông tin tại tài liệu đính kèm hồ sơ, mặt hàng như sau:

Tên thương mại: TP-S68NT.

- Tên gọi theo cấu tạo, công dụng: Hợp chất ferit dùng sản xuất nam châm (chưa được từ hoá), dạng viên, kích thước $\phi 3\text{mm} \times 4\text{mm}$.

- Thành phần, cấu tạo, công thức hóa học:

Strontium Ferrite ($\text{SrO} \cdot 6\text{Fe}_2\text{O}_3$): 75-89%; Barium Ferrite / $\text{BaO} \cdot 6\text{Fe}_2\text{O}_3$: 1-16%; Polyamide-6 / $(\text{C}_6\text{H}_{11}\text{NO})_n$: 9-10%

- Cơ chế hoạt động, cách thức sử dụng:

Hợp chất Ferrite chưa được từ hoá, sử dụng làm nguyên liệu thô để sản

xuất nam châm cho các bộ phận điện tử hoặc từ tính.

Strontium Ferrite: Vật liệu từ chính tạo đặc tính nam châm

Barium Ferrite: Bổ trợ tính từ hoặc điều chỉnh tính chất cơ học

Polyamide-6: Một loại polyme đóng vai trò là chất kết dính cho các cấu trúc, duy trì hình dạng của chúng và cung cấp độ bền cơ học.

- Hàm lượng tính trên trọng lượng: $3.65 \sim 3.85 \text{ (g/cm}^3, 25^\circ\text{C)}$

- Thông số kỹ thuật: dạng rắn, viên màu nâu sẫm ($\varnothing 3\text{mm} \times 4\text{mm}$) / không mùi, không tan trong nước hoặc cồn

- Quy trình sản xuất:

+ Trộn nguyên liệu thô: Bột ferit ($\text{SrO} \cdot 6\text{Fe}_2\text{O}_3, \text{BaO} \cdot 6\text{Fe}_2\text{O}_3$) được trộn đều với polyamide 6.

+ Nhào và đùn: Hỗn hợp được đưa vào máy nhào và đùn thành sợi.

+ Làm mát và tạo hạt: Các sợi được làm mát và cắt thành hạt. Hợp chất ferit này được bán dưới dạng vật liệu để đúc

- Công dụng theo thiết kế: sử dụng để sản xuất nam châm cho các bộ phận điện tử hoặc từ tính.

Ký, mã hiệu, chủng loại: TP-S68NT.

Nhà sản xuất: TODA KOGYO ASIA (THAILAND) CO., LTD.

thuộc nhóm **38.24** “Chất gắn đã điều chế dùng cho các loại khuôn đúc hoặc lõi đúc; các sản phẩm và chế phẩm hóa học của ngành công nghiệp hóa chất hoặc các ngành công nghiệp có liên quan (kể cả các sản phẩm và chế phẩm chứa hỗn hợp các sản phẩm tự nhiên), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.”, phân nhóm “- Loại khác:”, phân nhóm **3824.99** “- - Loại khác:”, phân nhóm “- - - Loại khác:”, mã số **3824.99.99** “- - - - Loại khác” tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Cục trưởng Cục Hải quan thông báo để Công ty TNHH Nishi Tokyo Chemix Việt Nam biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Nishi Tokyo Chemix Việt Nam (651-653 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam);
- PCT. Lưu Mạnh Tường (để báo cáo);
- Các Chi cục Hải quan khu vực (để thực hiện);
- Chi cục Kiểm định hải quan;
- Cổng TTĐT Hải quan (Văn phòng);
- Lưu: VT, NVTHQ (Thủy-3b).

TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG BAN NGHIỆP VỤ THUẾ HQ
PHÓ TRƯỞNG BAN



Đào Thu Hương

* Ghi chú: Kết quả xác định trước mã số trên chỉ có giá trị sử dụng đối với tổ chức, cá nhân đã gửi đề nghị xác định trước mã số.